

Bản án số: 01/2018/HS-ST

Ngày 03-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH CAO BẰNG

Thành phần của Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Đức Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Văn Chương

2. Bà Lưu Bích Hoàn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đàm Nhật Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lý Hoàng Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2017/TLST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T1, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1982 tại xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký thường trú: xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: Xóm L, thị trấn P, huyện B1, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh C và bà Dương Thị M (đã chết); bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Nông Thị P và có 01 (Một) người con; tiền án: có 01 (Một) tiền án. Bản án số 71/HSST/2008 ngày 23/9/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự; tiền sự: Không có; bị bắt, tạm giam ngày 28/9/2017 (Có mặt).

2. Nông Văn T2, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 26 tháng 12 năm 1962 tại xã H, huyện B2, tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký thường trú: xóm B3, xã T, huyện B1, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; trình độ văn hoá: 07/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn C (đã chết) và bà Nông Thị K (đã chết); có vợ và hai con; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt, tạm giam ngày 28/9/2017 (Có mặt).

- Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:

Bà: Nông Thị V, sinh năm 1985

Trú tại: xóm L, thị trấn P, huyện B1, tỉnh Cao Bằng (VẮNG MẶT).

- *Những người làm chứng:*

1. Nông Văn H1, sinh năm 1995,

Trú tại: xóm L, thị trấn P, huyện B1, tỉnh Cao Bằng (VẮNG MẶT).

2. Dương Văn H2, sinh năm 1964,

Trú tại: xóm B3, xã T, huyện B1, tỉnh Cao Bằng (VẮNG MẶT).

3. Nông Văn T3, sinh năm 1972,

Trú tại: xóm B3, xã T, huyện B1, tỉnh Cao Bằng (VẮNG MẶT).

4. Vương Văn C, sinh năm 1977,

Trú tại: xóm B3, xã T, huyện B1, tỉnh Cao Bằng (VẮNG MẶT).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 28/9/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra (CQĐT) Công an tỉnh Cao Bằng bắt quả tang Nông Văn H1 đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại xóm V, xã T, huyện B1. Đối tượng H1 khai nhận số hêrôin vừa sử dụng mua với Nông Văn T2; cùng ngày, CQĐT khám xét khẩn cấp nơi ở, chỗ ở của Nông Văn T2 tại xóm B3, xã T, huyện B1; kiểm tra trên người T2 phát hiện và tạm giữ 04 (Bốn) gói giấy nhỏ chứa chất bột màu trắng, 01(Một) điện thoại di động Qmobile, tiền Việt Nam 2.000.000, đồng; đối tượng T2 tự nguyện giao nộp 10 (Mười) gói giấy chứa chất bột màu trắng, 01(Một) gói nilon chứa 02 (Hai) cục chất bột màu trắng. T2 khai nhận toàn bộ số chất bột màu trắng trên là hêrôin mua với Lê Văn T1.

Cùng ngày, CQĐT khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn T1 tại xóm L, thị trấn P, huyện B1 phát hiện và tạm giữ: 02(Hai) gói nilon chứa chất bột màu trắng, 01(Một) điện thoại di động hiệu Samsung, 01(Một) điện thoại di động Oppo, tiền Việt Nam 100.000, đồng Thành khai nhận toàn bộ số chất bột màu trắng trên là hêrôin mua về mục đích bản thân sử dụng và bán lại kiếm lời.

Ngày 29/9/2017, CQĐT Công an tỉnh Cao Bằng mở niêm phong vật chứng cân trọng lượng và gửi mẫu giám định. Kết quả, số chất bột màu trắng tạm giữ khi khám người và khám xét chỗ ở của Nông Văn T2 có tổng trọng lượng là 2,85 gam (Hai phẩy tám mươi năm gam), số chất bột màu trắng tạm giữ khi khám xét chỗ ở của Lê Văn T1 có tổng trọng lượng là 3,75 gam (Ba phẩy bảy mươi năm gam).

Tại Kết luận giám định số: 190/GĐMT ngày 18/10/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: Mẫu giám định vụ Nông Văn T2 và Lê Văn T1 gửi đến giám định đều là ma túy, loại heroine.

Tại CQĐT, Nông Văn T2 khai nhận được mua hêrôin với Lê Văn T1 04 lần: Lần 01 vào cuối tháng 4/2017 mua 01(Một) gói hêrôin giá 500.000, đồng trên Quốc lộ 34 thuộc xóm B4, thị trấn P, huyện B1. Lần 02 vào cuối tháng 5/2017 mua 01(Một) gói giá 600.000, đồng; lần 03 vào giữa tháng 6/2017 mua

01(Một) gói giá 500.000, đồng; lần 04 vào 20 giờ, ngày 27/9/2017 mua 01(Một) gói giá 3.000.000, đồng địa điểm mua bán trên Quốc lộ 34 gần Công ty trách nhiệm hữu hạn CKC thuộc xóm L, thị trấn P, huyện B. T2 mua hêrôin mục đích để bản thân sử dụng và bán lại kiếm lời. Sáng ngày 28/9/2017 tại bờ suối gần nhà T2, T2 bán hêrôin cho Dương Văn H2, Vương Văn C, Nông Văn T3 mỗi người 01 lần, 01(Một) gói, giá 100.000đ/gói nhưng chưa ai trả tiền. Trưa ngày 28/9/2017 tại nhà ở của T2, T2 được bán hêrôin cho Nông Văn H1 01(Một) gói giá 100.000, đồng các lần mua bán đều không rõ trọng lượng hêrôin và chỉ có người mua với người bán biết; số hêrôin mua với T1 còn lại bị Cơ quan điều tra phát hiện tạm giữ ngày 28/9/2017.

Bị cáo Lê Văn T1 khai nhận được mua hêrôin với một người đàn ông tên Tuấn không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể, chỉ biết nhà ở Chợ Rã, Ba Bể, Bắc Kạn 02(Hai) lần tại đầu cầu giáp ranh giữa Thái Học, Bảo Lâm và Bắc Mê, Hà Giang.

Lần 01: vào khoảng tháng 4/2017 mua 01(Một) gói không rõ trọng lượng và giá tiền.

Lần 02: Khoảng 21 giờ, ngày 25/9/2017 mua 01(Một) gói không rõ trọng lượng giá 3.000.000, đồng khi mua bán chỉ có T1, Tuấn và một người thanh niên đi cùng Tuấn biết. T1 mua hêrôin mục đích để bản thân sử dụng và bán lại kiếm lời, trong đó được bán hêrôin cho Nông Văn T2 04 (Bốn) lần. Số hêrôin còn lại bị Công an phát hiện và tạm giữ ngày 28/9/2017.

Tại cơ quan điều tra các đối tượng Dương Văn H2, Nông Văn T3, Nông Văn H1 thừa nhận được mua hêrôin với Nông Văn T2 để sử dụng; lời khai của Nông Văn T2 và Lê Văn T1 phù hợp với những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Với hành vi trên của các đối tượng T2 và T1 đã bị Công an huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố.

Bản cáo trạng số: 27/KSĐT ngày 29/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Lê Văn T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo các điểm b, h, p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự; truy tố Nông Văn T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T1, Nông Văn T2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt:

- Áp dụng các điểm b, h, p khoản 2 Điều 194; Điều 33 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T1 từ 10 (Mười) đến 12 (Mười hai) năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; Điều 33; các điểm p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn T2 từ 4 (Bốn) đến 5 (Năm) năm tù.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo T1, bị cáo T2.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 41 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 02 (Hai) phong bì niêm phong vật chứng vụ án; 01(Một) xi lanh kim tiêm đã qua sử dụng; tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước; 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung của bị cáo Lê Văn T1; 01(Một) điện thoại di động Qmobile của bị cáo Nông Văn T2 tịch thu số tiền 100.000, đồng của bị cáo Nông Văn T2.

Đề nghị tịch thu số tiền 100.000, đồng đối với Nông Văn T2; truy thu đối với Lê Văn T1 số tiền 1.600.000, đồng để sung quỹ Nhà nước; trả lại 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo cho bà Nông Thị V; đề nghị Hội đồng xét trả lại số tiền 1.900.000, đồng cho bị cáo Nông Văn T2 và số tiền 100.000, đồng hoàn trả cho bị cáo Lê Văn T1 vì số tiền trên không liên quan đến vụ án.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên toà các bị cáo Lê Văn T1, Nông Văn T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, qua đó đã chứng minh được khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 27/9/2017 bị cáo T2 đã mua 01 (Một) gói hêrôin, không rõ trọng lượng với bị cáo Lê Văn T1 giá 3.000.000,đồng (Ba triệu đồng). Ngoài ra trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2017; T2 khai được mua hêrôin với T1 03 (Ba) lần với tổng số tiền là 1.600.000, đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) không rõ trọng lượng; mục đích, mua hêrôin về để sử dụng thỏa mãn cơn nghiện, ngoài ra bị cáo T2 còn được bán cho các đối tượng nghiện ma túy khác là Dương Văn H2, Vương Văn C, Nông Văn T3, Nông Văn H1 mỗi đối tượng 01 (Một) lần mục đích kiếm lời, nhưng các đối tượng trên chưa trả tiền chỉ bán cho Nông Văn H1 01 (gói) nhỏ giá 100.000, đồng (Một trăm nghìn đồng). Số hêrôin còn lại bị Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ có trọng lượng là 2,85 gam (Hai phẩy tám mươi năm gam).

Trong quá trình điều tra bị cáo Lê Văn T1 khai nhận, trước đó được mua hêrôin với một người đàn ông có tên gọi Tuấn 02 (Hai) lần; lần thứ nhất vào tháng 4/2017 bị cáo không nhớ số tiền mua và trọng lượng; lần 2 khoảng 21 giờ, ngày 25/9/2017 mua 01(Một) gói không rõ trọng lượng với giá 3.000.000, đồng (Ba triệu đồng); trong đó, bị cáo T1 được bán cho bị cáo Nông Văn T2 04 (Bốn) lần, số tiền bán ma túy thu được 4.600.000, đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Số hêrôin còn lại bị thu giữ có trọng lượng 3,75 gam (Ba phẩy bảy mươi năm gam).

Tổng trọng lượng hêrôin bị cáo Lê Văn T1 mua bán trái phép là 6,6 gam (Sáu phẩy sáu gam).

Từ những chứng cứ và nhận định nêu trên đã có đầy đủ căn cứ khẳng định rằng bị cáo Lê Văn T1 phạm tội *Mua bán trái phép chất Ma túy*, theo các điểm b, h, p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nông Văn T2 phạm tội *Mua bán trái phép chất Ma túy nhiều lần*, theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Điều 194 Bộ luật hình sự quy định; Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất Ma túy.

1. *Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.*

2. *Phạm tội trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:*

- b. *Phạm tội nhiều lần;*

- h. *Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ năm gam đến dưới ba mươi gam;*

- p. *Tái phạm nguy hiểm.*

Hêrôin là dạng chất độc được gây nghiện mà Nhà nước ta đã độc quyền quản lý và nghiêm cấm mọi hành vi sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt và sử dụng trái phép. Hành vi mua, bán và tàng trữ hêrôin của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất Ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội và ảnh hưởng hoặc gây nghiện cho con người, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua, bán, vận chuyển, tàng trữ ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý và thực hiện hành vi mua, bán hêrôin nhiều lần, cho nhiều người, mục đích để xoay vòng, thu lợi.

[1] Xét nhân thân của các bị cáo:

- Bị cáo Nông Văn T2 từ nhỏ lớn lên được bố mẹ nuôi dưỡng ăn học đến hết lớp 7/10; có 07(Bảy) anh em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; tháng 4/1979 nhập ngũ và công tác tại Ban chỉ huy quân sự huyện B2. Đến tháng 10/1990 phục viên trở về làm ăn sinh sống tại địa phương; tháng 01/1992 làm xã Đội trưởng xã H, huyện B2, tỉnh Cao Bằng đến tháng 12/1997; tháng 01/1998 làm Trưởng Công an xã T, huyện B1, tỉnh Cao Bằng; từ tháng 5/2004 đến 02/2006 làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện B1, tỉnh Cao Bằng; từ tháng 01/2007 đến 02/2012 giữ chức vụ Bí thư xã T1, huyện B1, tỉnh Cao Bằng sau đó được nghỉ hưu và trở về địa phương làm ăn sinh sống đến nay. Trước khi phạm tội bị cáo T2 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; đến khi bị Cơ quan điều tra bắt quả tang về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy.

- Nhân thân bị cáo Lê Văn T1, lớn lên được bố mẹ nuôi dưỡng cho đi học, nhưng bị cáo cũng chỉ học đến lớp 9/12, có 02(Hai) em ruột, bị cáo là con cả trong gia đình; đến năm 2004 bị cáo lập gia đình làm ăn sinh sống tại xóm K, xã T, huyện B1, tỉnh Cao Bằng; đến tháng 07/2008 bị bắt về tội Mua bán trái phép chất ma túy, bị phạt 07 (Bảy) năm tù; đến tháng 03/2015 chấp hành xong án

phạt tù, trở về địa phương làm ăn sinh sống tại xóm xóm L, thị trấn P, huyện B1, tỉnh Cao Bằng cho đến ngày bị bắt tạm giam.

Trước khi phạm tội bị cáo T1 có nhân thân xấu, đã có 01(Một) tiền án, bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 07 (Bảy) năm tù về tội *Mua bán trái phép chất ma túy* chưa được xóa án tích, khi trở về địa phương không hoàn lương, tu dưỡng rèn luyện bản thân, tiếp tục tái phạm nguy hiểm về hành vi *Mua bán trái phép chất ma túy*.

[2] Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của tội phạm, hành vi phạm tội của các bị cáo Nông Văn T2 và Lê Văn T1 đã phạm tội *Mua bán trái phép chất Ma túy*. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo kể từ khi bị bắt tạm giữ và tạm giam đến nay đã thành khẩn khai báo trước các cơ quan tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã tỏ ra ăn năn hối cải đối với hành vi của mình đã thực hiện.

Hội đồng xét xử tiến hành đánh giá toàn diện, đầy đủ về những vấn đề có lợi cho người phạm tội theo quy định của pháp luật, để xem xét áp dụng riêng đối với hành vi phạm tội của từng bị cáo; xét thấy, bị cáo Nông Văn T2 đã có nhiều thành tích trong công tác; năm 1986 được cấp Giấy chứng nhận thưởng huân chương Chiến sĩ vẻ vang; giấy chứng nhận đeo Huân chương chiến công (Hạng ba) của Bộ quốc phòng; năm 2003 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng tặng Bằng khen; đến năm 2007 tiếp tục được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen vì *có thành tích xuất sắc trong công tác Phòng chống ma túy*; vợ bị cáo là Hoàng Thị T4 được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến công (hạng ba); bố đẻ của bị cáo là Nông Văn C được tặng thưởng Huân, Huy chương tổng kết kháng chiến chống Mỹ (hạng nhì);

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải đối với hành vi đã thực hiện; do vậy, bị cáo T2 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật; tuy nhiên, đối chiếu với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, hành vi *Mua và bán trái phép chất ma túy nhiều lần*, cho nhiều đối tượng khác nhau, hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự, đây là tình tiết định khung hình phạt. Với những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy, cần cách ly các bị cáo T2 ra khỏi cộng đồng xã hội trong một thời gian nhất định, nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo sau này trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới có liên quan đến *Ma túy* về sau này; bị cáo T1 năm 2008 đã có 01(Một) tiền án về tội *Mua bán trái phép chất ma túy* bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 07 (Bảy) năm tù, đến tháng 03 năm 2017 bị cáo mới chấp hành xong hình phạt, trở về địa phương bị cáo chịu rèn luyện bản thân, tiếp tục tái phạm nguy hiểm hành vi *Mua bán trái phép chất ma túy* theo các điểm b, h, p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự, đây là những tình tiết định khung hình phạt.

Trong vụ án người đàn ông tên Tuấn được bán heroin cho bị cáo T1 nhiều lần, bị cáo không biết rõ (Họ, chỗ ở, nơi ở cụ thể tại đâu) chỉ biết là người ở xã

C, huyện B3, tỉnh Bắc Kạn. Cơ quan điều tra Công an huyện đã hoàn thiện hồ sơ vụ án, không tiếp tục mở rộng điều tra. Hội đồng xét xử không tiếp tục truy xét thêm.

Các đối tượng được mua ma túy với bị cáo là: Dương Văn H2, Nông Văn T3, Nông Văn H1 là những đối tượng nghiện ma túy, thừa nhận có mua hêrôin với Nông Văn T2 để nhằm đáp ứng nhu cầu của bản thân. Cơ quan điều tra đã lập biên bản và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định của Pháp luật. Do vậy chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Công an huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng đã áp dụng biện pháp Xử phạt vi phạm hành chính, theo quy định tại khoản 1 Điều 21; Mục 02 Nghị định 167/NĐ- CP, ngày 12/11/2013 là có căn cứ pháp luật.

Quá trình nghị án Hội đồng xét xử đã xem xét từng nội dung cần giải quyết trong vụ án; xét thấy, cần thiết tiếp tục tịch thu đối với bị cáo Nông Văn T2 100.000, đồng (Một trăm nghìn đồng) trong tổng số tiền 2.000.000, đồng bị tạm giữ; truy thu bị cáo Lê Văn T1 1.600.000, đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Đây là số tiền các bị cáo bán hêrôin có được, đó là tiền thu lợi bất chính, do vậy cần truy thu để sung quỹ Nhà nước.

[3] *Về áp dụng hình phạt bổ sung*: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T1 vì bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm và thu nhập ổn định; đối với bị cáo T2 phạm tội do không làm chủ bản thân được và bị rủ rê, điều kiện hoàn cảnh gia đình; do vậy, hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] *Về xử lý vật chứng trong vụ án*:

Tịch thu tiêu hủy 01(Một) xi lanh kim tiêm đã qua sử dụng; 02 (Hai) phong bì niêm phong vật chứng vụ án; trong đó.

- 01(Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi "Vật chứng vụ Nông Văn T2, sinh năm 1962, bắt ngày 28/9/2017 tại xóm B3, xã T, huyện B1, tỉnh Cao Bằng mặt sau có dấu giáp lai của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng cùng các chữ ký, bên trong phong bì có 2,85 gam (Bằng chữ: Hai phẩy tám mươi năm gam);

- 01(Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi "Vật chứng vụ Lê Văn T1, sinh năm 1982, bắt ngày 28/9/2017 tại L, thị trấn P, huyện B1, tỉnh Cao Bằng mặt sau có dấu giáp lai của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng cùng các chữ ký, bên trong phong bì có 3,75 gam (Bằng chữ: Ba phẩy bảy mươi năm gam); hêrôin là chất độc dược mà Nhà nước ta quản lý, cấm lưu hành; do vậy, cần phải tịch thu để đem tiêu hủy theo quy định của Pháp luật.

- Đối với 02(Hai) điện thoại di động: trong đó 01(Một) điện thoại nhãn hiệu Samsung màu vàng đồng và 01(Một) chiếc nhãn hiệu Qmonbile màu đen đã qua sử dụng là vật chứng vụ án, trong quá điều tra xác định được các bị cáo T2 và T1 đã dùng điện thoại này để liên lạc thực hiện mua, bán ma túy do vậy cần tịch thu phát mại để sung vào quỹ Nhà nước.

- Hoàn trả lại 01(Một) điện thoại nhãn hiệu Oppo màu hồng cho bà Nông Thị V, địa chỉ: xóm L, thị trấn P, huyện B1, tỉnh Cao Bằng.

- Đối với số tiền 1.900.000, đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng) cho bị cáo Nông Văn T2 số tiền trên qua điều tra đã chứng minh được không liên quan đến việc mua bán ma túy do vậy cần hoàn lại cho bị cáo là có căn cứ pháp luật; đồng thời trả lại số tiền 100.000, đồng (Một trăm nghìn đồng) cho bị cáo Lê Văn T1 nhưng tiếp tục tạm giữ đối với toàn bộ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục truy thu đối với bị cáo Lê Văn T1 số tiền 1.600.000, đồng (Bằng chữ: Một triệu sáu trăm nghìn đồng); tịch thu đối với bị cáo Nông Văn T2 số tiền 100.000, đồng (Bằng chữ: Một trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo Nông Văn T2 và Lê Văn T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 và theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nông Văn T2 và Lê Văn T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất Ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; Điều 33; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

- Bị cáo Nông Văn T2 04 (Bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ bắt tạm giữ, ngày 28/9/2017;

Áp dụng các điểm b, h, p khoản 2 Điều 194; Điều 33 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 11 (Mười một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ bắt tạm giữ, ngày 28/9/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự 1999; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01(Một) xi lanh kim tiêm đã qua sử dụng; 02 (Hai) phong bì niêm phong vật chứng vụ án; trong đó bên trong 01(Một) phong bì có 2,85 gam (Bằng chữ: Hai phẩy tám mươi năm gam) êrôin và 01(Một) phong bì có 3,75 gam (Bằng chữ: Ba phẩy bảy mươi năm gam) êrôin. Trừ số êrôin đã trích đem gửi giám định tại Công an tỉnh Cao Bằng để giám định.

Tịch thu phát mại 02 (Hai) điện thoại di động để sung quỹ Nhà nước; trong đó 01(Một) điện thoại nhãn hiệu Samsung GalaxyJ5 màu vàng đồng và 01(Một) nhãn hiệu Qmonbile Q226 màu đen đã qua sử dụng.

Hoàn trả 01(Một) điện thoại nhãn hiệu Oppo màu hồng cho bà Nông Thị V, địa chỉ: xóm Lạng Cá, thị trấn Pác Miêu, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

Trả lại số tiền 1.900.000, đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng) cho bị cáo Nông Văn T2 và số tiền 100.000, đồng (Một trăm nghìn đồng) cho bị cáo Lê Văn T1 nhưng tiếp tục tạm giữ toàn bộ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

Truy thu đối với bị cáo Lê Văn T1 số tiền 1.600.000, đồng (Bằng chữ: Một triệu sáu trăm nghìn đồng); tịch thu đối với bị cáo Nông Văn T2 số tiền 100.000, đồng (Bằng chữ: Một trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Xác nhận tình trạng vật chứng của vụ án do Chi cục thi hành án dân sự, huyện Bảo Lâm, Cao Bằng đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/11/2017.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 và theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo Nông Văn T2 và Lê Văn T1 mỗi người phải chịu 200.000đ, (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hoặc, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về phần có liên quan của bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo [T1, T2];
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Người có QL&NVLQ;
- CC-THADS huyện Bảo Lâm;
- CQ.THAHS Công an huyện;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Trại giam CA tỉnh;
- UBND xã [Đề giám sát];
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Đức Thọ

